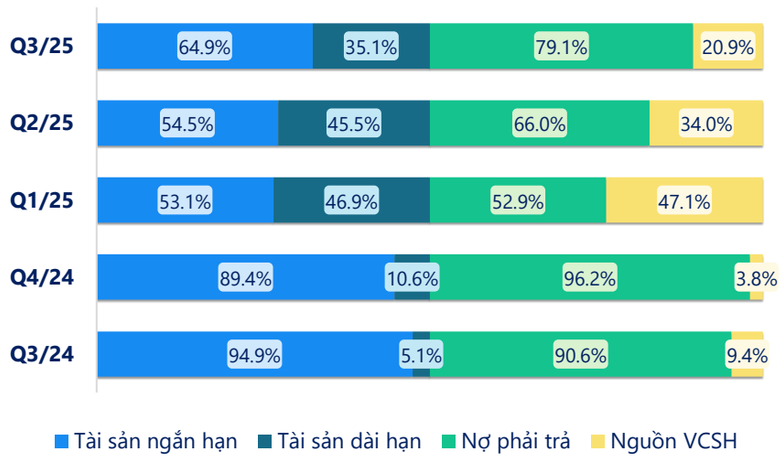
FireAnt

CTCP Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (UPCOM: VEF)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	183,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	162,274
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	105,773
SL cổ phiếu LH	166,601,050
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,600
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	30,571
P/E	1.9
EPS	95,153

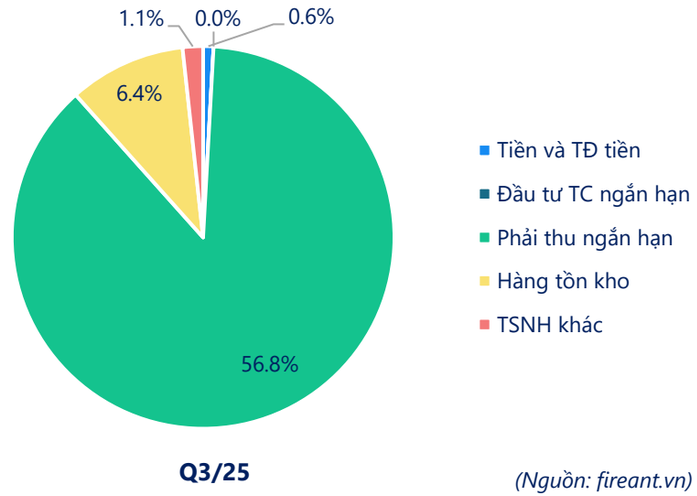
	YTD	1T	3T	6T
VEF	59.4%	34.4%	20.2%	47.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



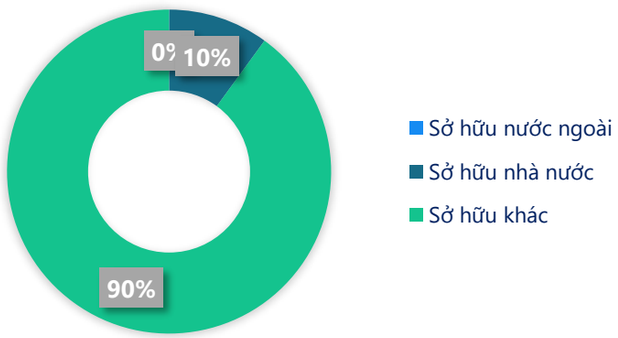
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



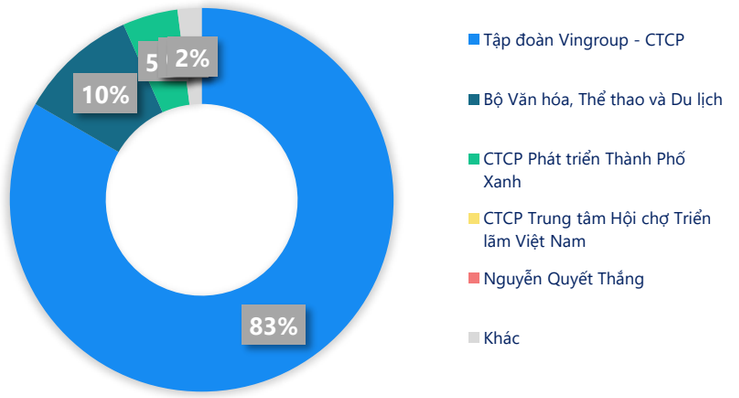
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



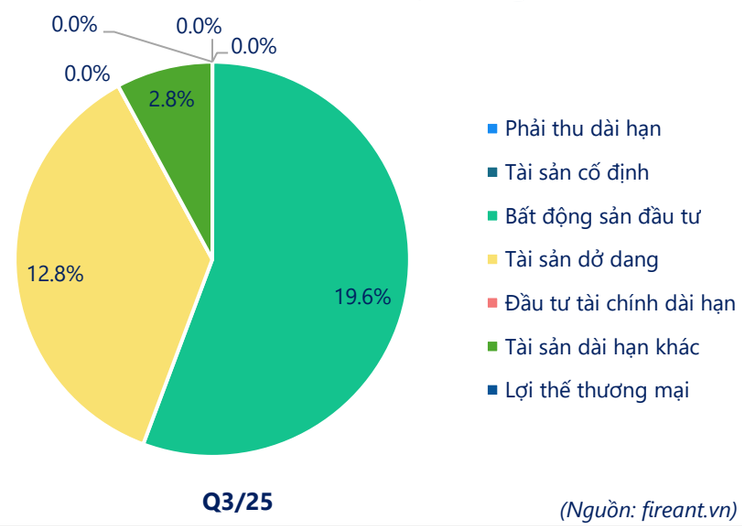
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

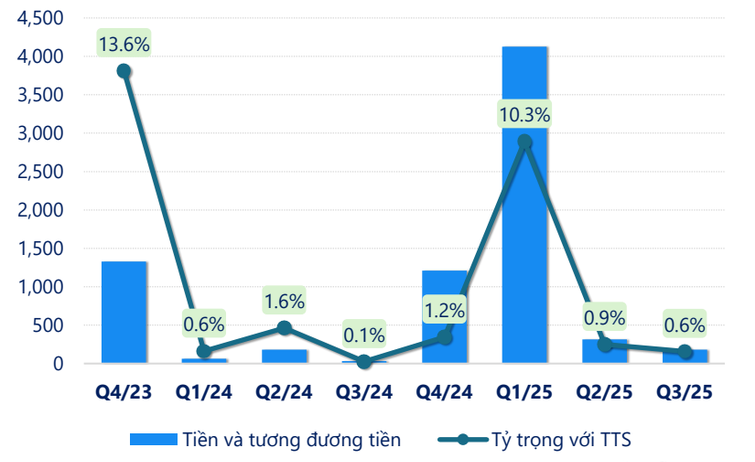


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

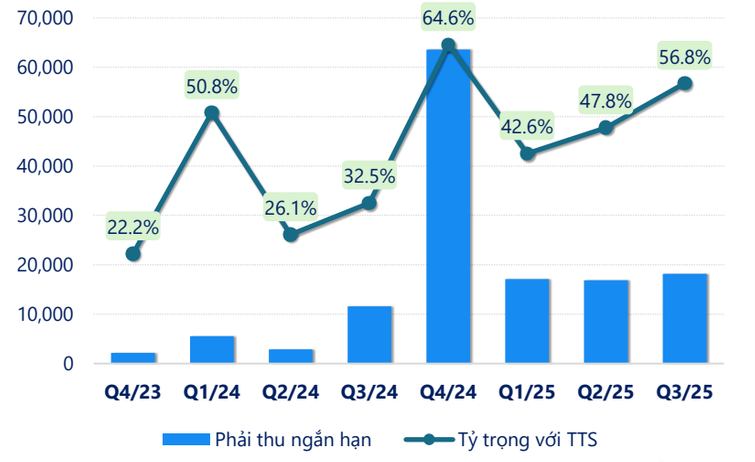
CTCP Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (UPCOM: VEF)

Tiền và tương đương tiền



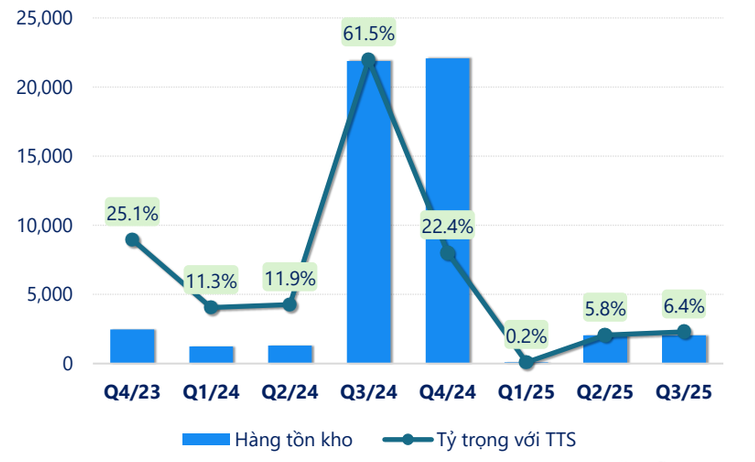
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



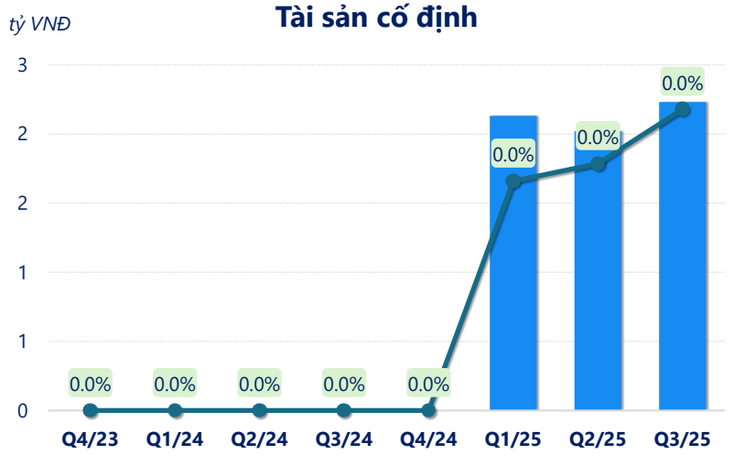
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



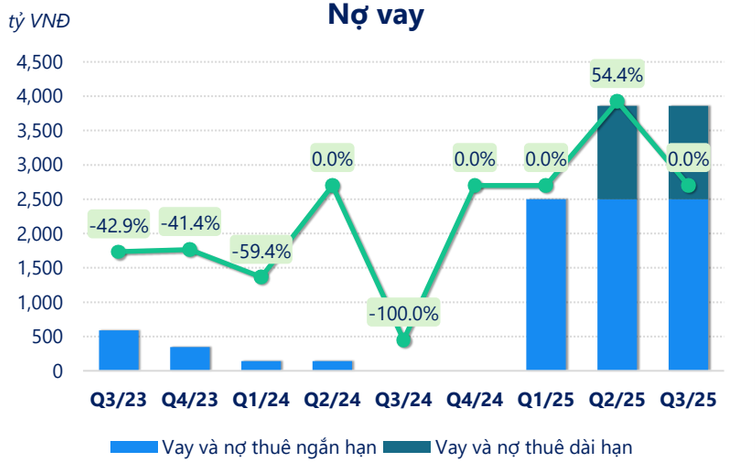
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



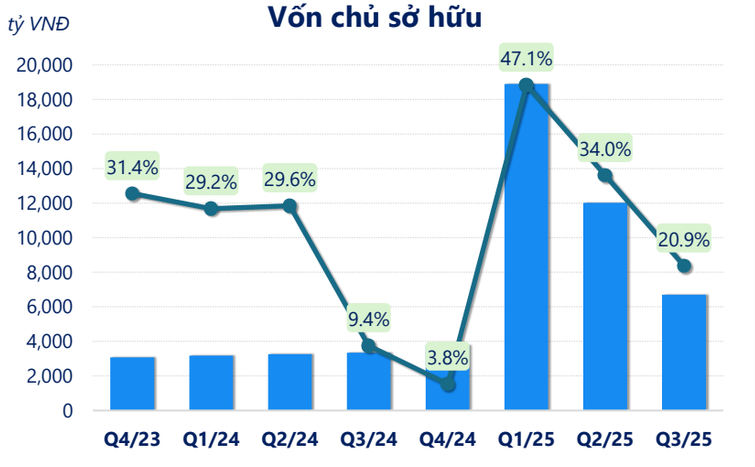
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

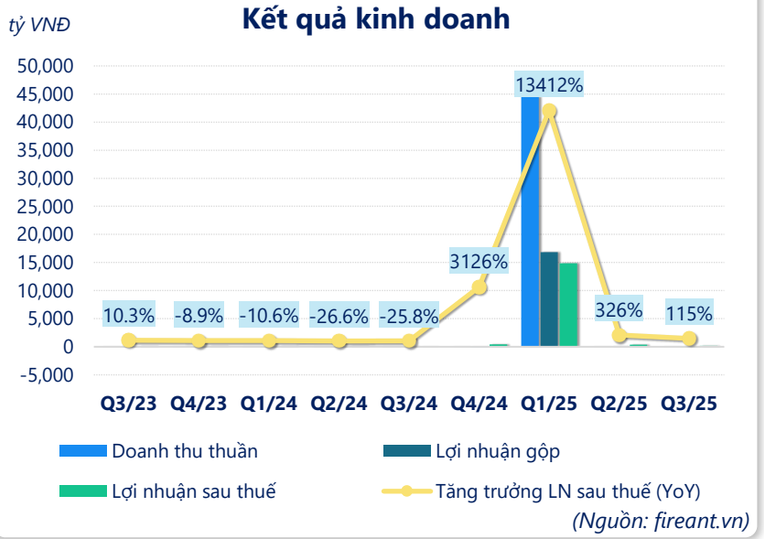


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

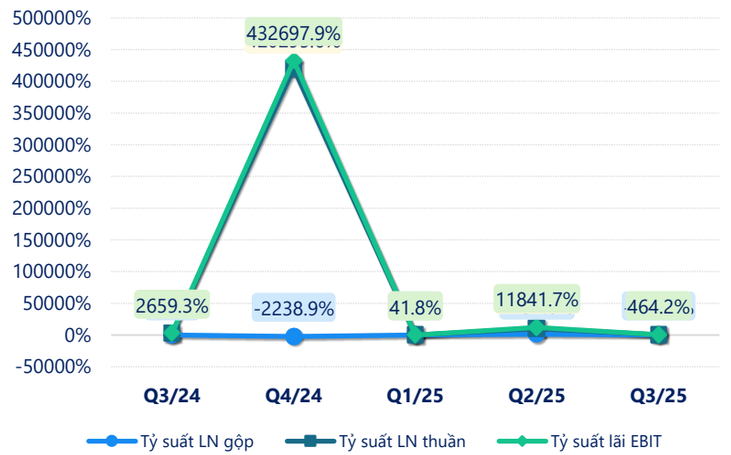
CTCP Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (UPCOM: VEF)

Kết quả kinh doanh



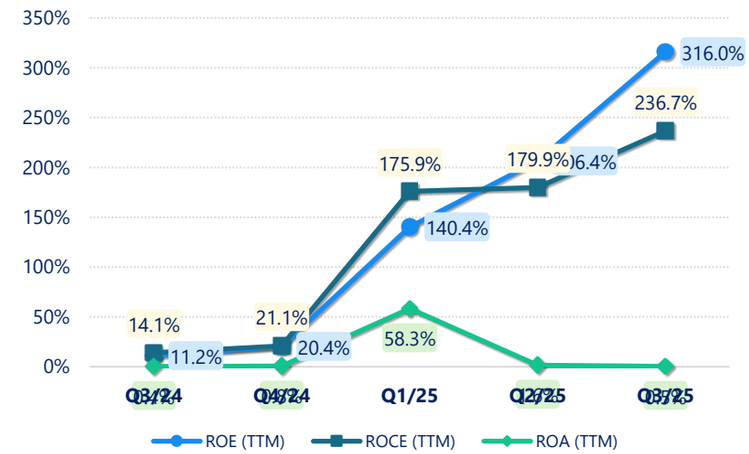
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



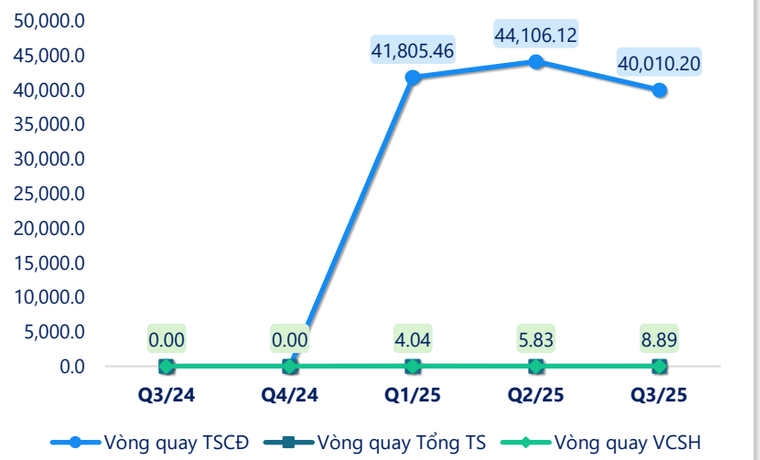
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



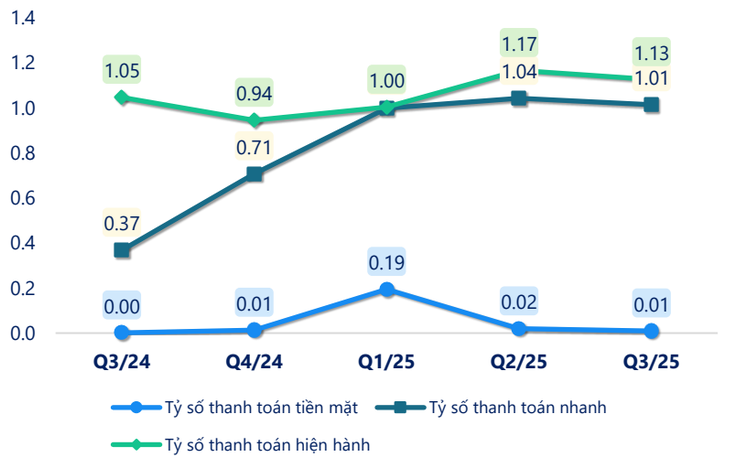
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



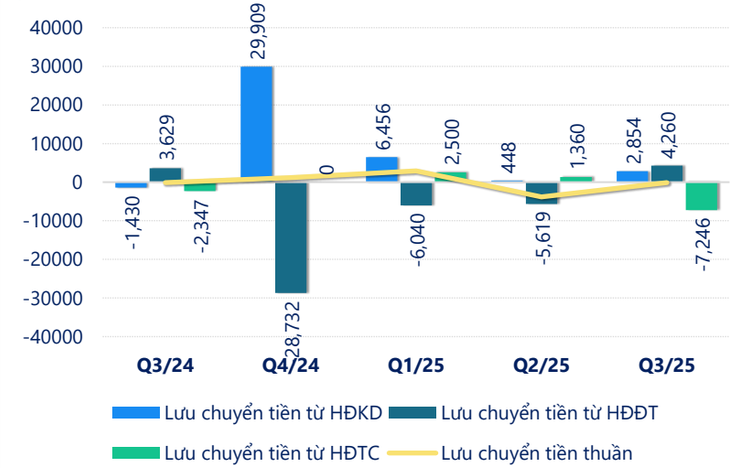
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (UPCOM: VEF)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**31,977**	**105,107**	**-69.6%**
Tài sản ngắn hạn	20,746	91,182	-77.2%
Tiền và tương đương tiền	182	1,210	-85.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	18,157	66,837	-72.8%
Hàng tồn kho	2,050	22,157	-90.7%
Tài sản ngắn hạn khác	357	978	-63.5%
Tài sản dài hạn	**11,232**	**13,926**	**-19.3%**
Phải thu dài hạn	0	11,507	-100%
Tài sản cố định	2.23	0	
Bất động sản đầu tư	6,253	0	
Tài sản dở dang	4,088	1,153	255%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**889**	**1,266**	**-29.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	25,286	101,089	-75.0%
Nợ ngắn hạn	**18,440**	**99,616**	**-81.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,500	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2,929	52.4	5490%
Nợ dài hạn	6,846	1,472	365%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,360	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,691**	**4,018**	**66.5%**
Vốn chủ sở hữu	**6,691**	**4,018**	**66.5%**
Vốn điều lệ	1,666	1,666	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	3.99	0.13	44,560	4.86	46.1
Giá vốn hàng bán	3.22	2.95	27,724	-58.2	105
Lợi nhuận gộp	0.77	-2.83	16,836	63.1	-59.3
Doanh thu HĐTC	129	560	1,857	550	387
Chi phí TC	11.3	8.15	36.0	116	107
Chi phí lãi vay	0	0	36.0	99.7	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.26	15.1	0	0.68	2.64
Chi phí QLDN	4.21	3.45	5.61	3.05	3.50
LN thuần từ HĐKD	114	530	18,651	494	215
Lợi nhuận khác	-7.85	15.7	-46.3	-18.1	-0.42
LN trước thuế	106	546	18,605	476	214
Lợi nhuận sau thuế	84.6	434	14,873	377	168
LNST của CĐ cty mẹ	84.6	434	14,873	377	168

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,430	29,909	6,456	448	2,854
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3,629	-28,732	-6,040	-5,619	4,260
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2,347	0	2,500	1,360	-7,246
Tiền đầu kỳ	181	33.1	1,210	4,125	314
Lưu chuyển tiền thuần	**-148**	**1,176**	**2,916**	**-3,811**	**-133**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.11	0	0	0
Tiền cuối kỳ	33.1	1,210	4,125	314	182

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic